TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN NAM** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DS-ST
Ngày: 27-5-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Phương

Ông Nguyễn Văn Chúng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dũng là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Duy T, sinh năm 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: thôn D, xã H, huyện N, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1964. (Có mặt)

Địa chỉ: thôn D, xã H, huyện N, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị Bình P, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phương: Ông Trần Duy T, sinh năm 1982. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: thôn D, xã H, huyện N, tỉnh Bình Thuận. (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/3/2020)

4. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1989. Địa chỉ: thôn D, xã H, huyện N, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Duy T trình bày:

Ông và bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th sinh sống cùng thôn D, xã H, huyện N, tỉnh Bình Thuận và có quen biết nhau. Từ năm 2016 đến đầu năm 2020 vợ chồng ông có cho bà Nguyễn Thị Thanh Th vay tiền nhiều lần với tổng số tiền 500.000.000 đồng, mỗi lần cho bà Nguyễn Thị Thanh Th vay tiền ông có ghi chép vào sổ để theo dõi nhưng đến nay không còn giữ giấy tờ này để cung cấp cho Tòa án. Vào ngày 09/01/2020, ông gọi điện thoại đề nghị bà Nguyễn Thị Thanh Th đến nhà riêng của ông để gút nợ; tại đây, hai bên thống nhất tổng số tiền bà Th đã vay và còn nợ của vợ chồng ông là 500.000.000 đồng. Do đó, ông đã viết "Giấy mượn tiền" đề ngày 09/01/2020, sau đó bà Nguyễn Thị Thanh Th đã tự đọc "Giấy mượn tiền" rồi lăn tay và ký tên xác nhận dưới mục "Người mượn tiền", việc bà Nguyễn Thị Thanh Th lăn tay và ký tên xác nhận tại "Giấy mượn tiền" đề ngày 09/01/2020 là tự nguyện, không bị ai đe dọa hay ép buộc. Theo "Giấy mượn tiền" đề ngày 09/01/2020, thì đến ngày 09/02/2020 bà Nguyễn Thị Thanh Th phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông số tiền 500.000.000 đồng nhưng bà Nguyễn Thị Thanh Th không thực hiện. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thanh Th phải có nghĩa vụ trả số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu) cho ông và vợ ông là bà Trương Thị Bình P và không yêu cầu trả tiền lãi.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th trình bày:

Bà xác định vào tháng 02/2016, bà có vay của vợ chồng ông Trần Duy T, bà Trương Thị Bình P số tiền 30.000.000 đồng, tiền lãi hai bên thỏa thuận cụ thể như sau: Cứ 10.000.000 đồng thì mỗi tháng bà phải trả 600.000 đồng tiền lãi, như vậy mỗi tháng bà phải trả tiền lãi cho vợ chồng ông Trần Duy T 1.800.000 đồng và đến nay đã trả được 38.000.000 đồng tiền lãi. Khi vay tiền của vợ chồng ông Trần Duy T, các giấy tờ ghi nợ do ông Trần Duy T giữ, bà không có tài liệu gì để cung cấp cho Tòa án. Ngày 09/01/2020, ông Trần Duy T gọi điện thoại đề nghị bà đến nhà riêng của ông Trần Duy T ở thôn Dân C, xã H, huyện N, tại đây ông Trần Duy T lập "Giấy mượn tiền" đề ngày 09/01/2020 và yêu cầu bà ký để xác nhận nợ với số tiền 500.000.000 đồng; bà không đồng ý ký vào Giấy mượn tiền nhưng bị ông Trần Duy T đe dọa sẽ đánh bà nên bà phải lăn tay và ký tên xác nhận vào "Giấy mượn tiền" đề ngày 09/01/2020; đến ngày 14/02/2020, bà có đơn tố cáo hành vi nêu trên của ông Trần Duy T đến Công an xã H. Vào tháng 10/2019, bà và ông Trần Duy T đã gút nợ với số tiền 400.000.000 đồng nhưng đến nay ông Trần Duy T lại yêu cầu bà trả số tiền 500.000.000 đồng thì bà không đồng. Nay bà chỉ đồng ý trả cho vợ chồng ông Trần Duy T số tiền 86.000.000 đồng (Trong đó, tiền nợ gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi 56.000.000 đồng).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Bình Pg do ông Trần Duy T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà thống nhất với phần trình bày của ông Trần Duy T và xác định số tiền 500.000.000 đồng mà nguyên đơn Trần Duy T khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th phải trả là tài sản chung của bà và ông Trần Duy Tân. Do đó, bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh Thúy có nghĩa vụ trả cho bà và ông Trần Duy T số tiền 500.000.000 đồng tiền nợ gốc.

- *Người làm chứng bà Nguyễn Thị Mỹ N trình bày:* Bà là con ruột của bị đơn Nguyễn Thị Thanh Th. Bà xác định có nghe mẹ bà là bà Nguyễn Thị Thanh Th kể lại cho bà nghe thông tin việc mẹ bà có vay của ông Tân số tiền 30.000.000 đồng, vào tháng 10/2019 bà có nghe mẹ nói cho bà biết đã gút nợ với ông T với số tiền 400.000.000 đồng và bà là người gọi điện thoại cho ông T để xác nhận thông tin và xin gia hạn cho mẹ bà có thời gian để trả nợ, mọi giao dịch do mẹ bà thực hiện với ông T chứ bà không tham gia. Ngoài ra, bà không biết thêm thông tin gì khác.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng pháp luật; đương sự chấp hành pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Duy T: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh Th có nghĩa vụ trả cho ông Trần Duy T và bà Trương Thị Bình P số tiền là 500.000.000 đồng; nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Trần Duy T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thanh Th có nghĩa vụ trả số tiền 500.000.000 đồng đã vay, căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th có nơi cư trú tại thôn D, xã H, huyện N, tỉnh Bình Thuận nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả tiền nợ gốc:

Nguyên đơn ông Trần Duy T xác định, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th vay tiền của vợ chồng ông nhiều lần với tổng cộng 500.000.000 đồng đến nay chưa trả

và cung cấp "Giấy mượn tiền" đề ngày 09/01/2020 để chứng minh; bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th thừa nhận có ký và điểm chỉ vào giấy "Giấy mượn tiền" đề ngày 09/01/2020 nhưng cho rằng việc ký tên và điểm chỉ không tự nguyện do bị ông Trần Duy T ép buộc nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh và cũng không được ông Trần Duy T thừa nhận. Biên bản xác minh ngày 27/4/2020 của Tòa án tại Công an xã H cho thấy, bà Nguyễn Thị Thanh Th làm đơn tố cáo ông Trần Duy T có hành vi đe dọa và ép buộc bà ký "Giấy mượn tiền" đề ngày 09/01/2020 nhưng khi Công an xã H làm việc thì bà Nguyễn Thị Thanh Th lại không xác định có việc bị ông Trần Duy T đe dọa hay ép buộc ký giấy nhận nợ. Do đó, theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự thì "Giấy mượn tiền" đề ngày 09/01/2020 mà ông Trần Duy T cung cấp là chứng cứ và được sử dụng để xem xét nội dung các đương sự đang tranh chấp trong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thanh Th thừa nhận có vay tiền của vợ chồng ông Trần Duy T đến nay chưa trả, thừa nhận này của bà Nguyễn Thị Thanh Th là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, lời khai nhận của bà Nguyễn Thị Thanh Th về số tiền đã vay không thống nhất, cụ thể: Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải bà Nguyễn Thị Thanh Th cho rằng chỉ vay của ông Trần Duy T số tiền 30.000.000 đồng nợ gốc, nhưng tại Bản tự khai đề ngày 09/3/2020 bà Nguyễn Thị Thanh Th lại thừa nhận có vay và còn nợ ông Trần Duy T số tiền 400.000.000 đồng; tại Biên bản hòa giải bà Nguyễn Thị Thanh Th đồng ý trả cho vợ chồng ông Trần Duy T số tiền 82.000.000 đồng (trong đó, 30.000.000 đồng nợ gốc và 52.000.000 đồng tiền lãi), nhưng tại phiên tòa lại đồng ý trả cho vợ chồng ông Trần Duy T số tiền 86.000.000 đồng (trong đó, 30.000.000 đồng nợ gốc và 56.000.000 đồng tiền lãi). Bà Nguyễn Thị Thanh Th cho rằng chỉ vay của vợ chồng ông Trần Duy T số tiền 30.000.000 đồng nợ gốc nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thanh Th không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh và cũng không được vợ chồng ông Trần Duy T thừa nhận nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Ngược lại, nguyên đơn ông Trần Duy T cung cấp được "Giấy mượn tiền" đề ngày 09/01/2020. Bà Nguyễn Thị Thanh Th thừa nhận chữ ký và dấy vân tay trong "Giấy mượn tiền" đề ngày 09/01/2020 là của mình nhưng cho rằng do bị ông T đe dọa nên buộc phải ký nhận nợ nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Do đó, căn cứ "Giấy mượn tiền" đề ngày 09/01/2020, Hội đồng xét xử xác định việc bà Nguyễn Thị Thanh Th vay số tiền 500.000.000 đồng của vợ chồng ông Trần Duy T là có thật. Như vậy, ông Trần Duy T yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh Th có nghĩa vụ trả số tiền 500.000.000 đồng đã vay cho vợ chồng ông Trần Duy T là hoàn toàn có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ Điều 466 của Bộ luật dân sự cần buộc bà Nguyễn Thị Thanh Th có nghĩa vụ trả số tiền 500.000.000 đồng đã vay cho ông Trần Duy T và bà Trương Thị Bình P.

[2.2] Về tiền lãi: Nguyên đơn ông Trần Duy T không yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Trần Duy T và bà Trương Thị Bình P do ông Trần Duy T đại diện tự nguyện chịu toàn bộ án phí thay cho bà Nguyễn Thị Thanh Th, sự tự nguyện của ông T và bà P không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, bà Nguyễn Thị Thanh Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 93, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy T.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh Th phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Duy Tvà bà Trương Thị Bình P số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Ông Trần Duy T và bà Trương Thị Bình P tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 24.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm thay cho bà Nguyễn Thị Thanh Th nhưng được trừ vào số tiền 12.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003932 ngày 18/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Ông Trần Duy T và bà Trương Thị Bình P còn phải nộp thêm 12.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thanh Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hàm Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Phương